



Theo truyền thuyết, xưa kia, ở làng Đường Thâm, huyện Chân Định, trấn Sơn Nam (nay thuộc xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình) có người thợ hàn nổi tên là Nguyễn Kim Lâu, ngày ngày quẩy gánh đồ nghề cùng mấy chiếc nồi niêu cũ kỹ bằng đồng đi hết làng trên xã dưới hành nghề. Kiếm ăn ở quanh vùng không đủ sống, ông ngày càng phải đi xa hơn. Ngày tháng lần hồi, vượt qua bao đoạn đường hiểm trở, ông tìm đến tận châu Bảo Lạc (Cao Bằng). Đây là nơi buôn bán đông vui, có nhiều thợ thủ công hội tụ. Đó là những người thợ rèn, thợ bạc, thợ đồ gỗ, thợ sơn... Phần lớn họ là người Hoa, người Kinh và một ít người Tày, Nùng. Mỗi người sinh sống bằng nghề riêng của mình và chịu sự khống chế, bóc lột của các chúa đất, các chức dịch địa phương thông qua đóng thuế. Họ cũng phải đi phu và làm tạp dịch, nhưng có phần dễ chịu và giàu có hơn dân địa phương. Tại nơi đất khách và đa nghề này, người thợ hàn nổi của vùng quê hạ lưu sông Hồng đã học hỏi, thụ nghiệp được một nghề mới, đó là nghề chạm bạc.

Dân làng Đường Thâm bật tin ông Nguyễn sáu, bảy năm trời. Bỗng một hôm, người làng thấy ông trở về. Mái tóc đã pha sương, trên vai ông nặng trĩu một đôi hòm gỗ đựng đồ nghề và của cải.

Họ thấy ông giàu có hơn xưa, bèn khuyên ông mua gỗ lim làm nhà ngói. Ông

BỐN TRĂM NĂM MỘT LÀNG NGHỀ

PHẠM ĐỨC DUẬT

lắc đầu nói: "Tôi gần nửa đời làm nghề hàn nổi mà chẳng đủ ăn. Sáu, bảy năm nay, lên tận châu Bảo Lạc học được nghề chạm vàng bạc, nay tôi về muốn truyền nghề cho con em trong làng. Tôi muốn cả làng có nghề này. Cả làng sẽ giàu có. Cả làng sẽ có nhà gỗ lim lợp ngói. Giàu có một nhà thì ngăn ngui, giàu có cả làng mới lâu bền". Nói rồi ông nhờ bà con mua tre nứa, dựng lán truyền nghề cho con em trong làng.

Tám bia dựng trước am thờ đức tổ hiện nay, có chữ Hán cả hai mặt bia. Mặt thứ nhất đề: "Tổ tích lưu truyền thụ nghiệp Đại Minh quốc, Bảo Lạc châu", nghĩa là: Lưu truyền sự tích vị tổ học được nghề của người nước Đại Minh tại châu Bảo Lạc. Mặt bia thứ hai đề: "Cổ tích danh lam Kim Tiên tự tu tạo thạch bi ký", nghĩa là: Bài ký trên bia đá tu tạo chùa cổ Kim Tiên. Mặt bia thứ hai này còn ghi rõ: Bia khắc ngày mồng 1 tháng 9 năm Tân Dậu, niên hiệu Chính Hoà thứ hai (1681), đời Lê Hy Tông. Từ nội dung hai mặt bia cho thấy đức tổ lúc đầu truyền nghề cho dân, lập thành phường Phúc Lộc gồm 149 người, có một trùm phường và 7 chi phường cai quản 7 hạng thợ. Hạng nhất có 18 người, hạng nhì có 24 người, hạng ba 21 người, hạng tư 32 người, hạng năm 12 người, hạng sáu 21 người, hạng bảy 13 người của các dòng họ: Nguyễn, Triệu, Trần, Đinh, Vũ, Hoàng, Ngô, Đỗ, v.v.

Phường quy định: phường nào muốn học nghề phải nộp 3 quan tiền để làm lễ cầu phúc

và lễ kính tổ nghề. Hàng năm vào ngày mồng 5 tháng Giêng âm lịch, phường thợ phải tập trung trước am thờ để làm lễ giỗ tổ.

Lán thợ chạm vàng bạc ở Đường Thâm (sau này gọi chệch đi là Đồng Xâm), ngày một đông. Chỉ hơn chục năm, số người làm nghề đã tới hàng mấy trăm. Thầy Nguyễn lại chia thợ ra làm mười hai phường và lập khoán ước trong việc truyền nghề cho con cháu rất cụ thể và nghiêm ngặt. Nội dung các điều khoán ước đó, ngoài sự khuyến khích phát triển tài năng, ông còn nhấn mạnh vào việc rèn luyện tư cách đạo đức của người thợ.

Từ mười hai phường thợ ấy, nhóm thợ giỏi nghề thì được triệu lên kinh đô làm cho triều đình các vật dụng khảm, chạm vàng bạc trên những ngai thờ, mũ thờ với các chủ đề: *Lưỡng long tranh châu, Lưỡng long châu nguyệt, Ngự long hỷ thủy ở nơi tông miếu*; hay làm khay, làm chén, hòm tráp bằng bạc; hoặc những trâm, lược, vòng, nhẫn, hoa tai, xà tích cho các công vương, công tử; hay các cối giã trầu, bình đựng vôi bằng bạc của những đức ông, đức bà ở các dinh thự quý tộc. Vì thế, mấy thế kỷ trước, do sự phát triển của đô thị đã thu hút khá nhiều thợ Đồng Xâm lên Thăng Long. Họ cùng với thợ Châu Khê (Hưng Yên), Định Công (Hà Nội) lập ra phường Đông Các, nay là phố Hàng Bạc, Hà Nội, một trung tâm kim hoàn ngày ấy. Sau đó, thợ Đồng Xâm còn vào lập nghiệp ở kinh đô Huế và nhiều đô thị khác. Người làng còn kể rằng, chính vua Khải Định đã vời hai người thợ Đồng Xâm vào Huế sửa lại ngai vàng và phong cho một trong hai người thợ đó là nghệ nhân Lưu Quang Chế hàm thất phẩm.

Nhiều nhóm thợ khác của Đồng Xâm thì về những vùng quê trù phú chạm bát bửu, lu

hương ở đình miếu, hoặc kéo khayên vàng, khayên bạc cho các cô gái; vòng bạc, khánh bạc cho trẻ em. Cũng có nhóm thợ lên vùng thượng du làm đồ trang sức cho các nhà quan lang hay thường dân các dân tộc ít người.

Trong vòng hai ba chục năm sau, thợ chạm vàng bạc Đồng Xâm nhiều người nổi tiếng. Người đi làm xa, người làm ở quê đều phát đạt, làng dần dần giàu có lên. Nhiều nhà đua nhau làm nhà gỗ lim, lợp ngói. Nhiều chủ buôn bè gỗ từ mạn ngược về, từ Thanh Nghệ ra. Gỗ lim đóng thành bè, để kín ở bến Đông Giang. Bến sông ấy được người Đồng Xâm gọi là bến Lim, nay tên ấy vẫn còn.

Thầy Nguyễn trường thợ ngoài 80 tuổi mới tạ thế. Thợ vàng bạc khắp nơi đổ về chịu tang, rồi lập am thờ, tạc bia đá ghi công đức truyền nghề của thầy.

Một trong hai đôi câu đối khắc gỗ ở am thờ hiện nay còn ghi rõ:

Ức niên qui cử tôn bi ký;

Nhất thế bình đào nhập phạm vi.

Nghĩa là:

Ức năm mực thước còn ghi ở bia đá;

Một đời các vật quý đều vào khuôn mẫu.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, kinh tế hàng hoá mở ra, nghề chạm bạc Đồng Xâm lại có cơ phát triển. Con em các làng trong tổng Đồng Xâm và tổng Thịnh Cường đến xin học nghề rất đông. Riêng hai thôn Thượng Gia, Thượng Hoà có đến năm, bảy chục xưởng thợ. Mỗi xưởng thợ mấy chục người làm. Đứng đầu xưởng là một tiểu chủ. Có tiểu chủ phải bỏ công nghiên cứu thị hiếu, thị trường, tạo mẫu mã đẹp để sản xuất hàng, rồi đem đi Hà Nội, Sài Gòn bán. Nhiều mặt hàng đẹp, tinh xảo của thợ Đồng Xâm

được trưng bày ở nhà đấu xảo Hà Nội, trưng bày tại hội chợ Paris. Có một số người được nhận sắc hàn lâm, cửu phẩm do bàn tay tài hoa của nghệ thợ.

Nhiều bác thợ già còn kể lại cách chạm rồng trên bộ đồ thờ ở đền Đồng Xâm, những nét chạm tài hoa trên chiếc nạm bạc, khay, chén bạc ở cung đình Huế, cách pha chế hợp kim làm nên chiếc ấm trà nhỏ xíu mầu mắt cua ở dinh Hoàng Cao Khải đã làm cho tài nghệ thợ Đồng Xâm trở nên nổi tiếng.

Sau Cách mạng Tháng Tám - 1945, rồi cuộc kháng chiến chín năm, nghề chạm bạc chưa có điều kiện phát triển trở lại. Nhiều người phải tạm thời kiếm sống bằng những nghề thủ công đơn giản. Năm 1954, hoà bình lập lại, các nghề thủ công truyền thống lần lượt được phục hồi. Các hợp tác xã: Việt Hồng, Thống Nhất, Đại Đồng, Văn Phúc được thành lập trên địa bàn của ba xã Hồng Thái, Trà Giang, Lê Lợi và sản xuất theo các mặt hàng gia công của Nhà nước. Nếu trước kia thợ chạm bạc Đồng Xâm chuyên sản xuất: hộp đựng sơn phấn, bàn thắm, cúp, lọ hoa, lư, đỉnh, ấm cà phê, khay, cốc, cùi đĩa, phồng xét, v.v... thì những năm này còn sản xuất các mặt hàng quen thuộc như: gạt tàn thuốc lá, hộp đựng đường hình trái dừa, cây đèn cùng nhiều loại hình con giống như: gà, vịt, trâu, voi, hổ, báo, v.v.. Từ những tổ chức nghề nghiệp này đã giúp cho một số người có tâm nhìn, tâm suy nghĩ vượt lên thành những nghệ nhân có tiếng tài hoa. Một nhóm thợ giỏi Đồng Xâm đã dấu tài dấu sức chạm một khung ảnh Bác Hồ, làm thành một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo đang còn lưu giữ tại quê nhà.

Mấy thế kỷ nghề chạm bạc của Đồng Xâm, có tới hàng trăm tên tuổi nghệ nhân nổi tiếng, chúng tôi chưa thống kê đầy đủ

được. Riêng nữ nghệ nhân Nguyễn Thị Ngọc Thơ lại là trường hợp quý hiếm. Bức chạm *Long, ly, qui, phượng* có tám chữ Hán "Thiên hạ thái bình, tứ linh đồng hiện" là một sáng tạo của nghệ nhân Ngọc Thơ gây được chú ý trong làng thợ chạm bạc. Sáu bức phù điêu của bà chạm cảnh: *Thúy Kiều, Kim Trọng buổi đầu, Thúy Kiều gảy đàn cho Kim Trọng, Cảnh gia biến, Kiều mắc lừa Sở Khanh, Tiếng đàn nàng Kiều ở nhà Hoạn Thư* là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị được tặng huy chương vàng tại hội chợ quốc tế hàng công nghiệp năm 1993 ở Hà Nội. Nhiều tác phẩm khác của bà đã từng được bán sang các nước Nga, Pháp, Canada, Nhật, Trung Quốc, Mỹ. Năm 1994, bà dành thì giờ chạm bức phù điêu *Đền Đồng Xâm*. Tác phẩm có khuôn khổ lớn này được tặng Huy chương vàng tại triển lãm Hội nghệ truyền thống ở Hà Nội năm 1995. Năm 1996 bà lại được Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam tặng giải ba bức phù điêu về *Truyện Kiều*. Có thể nói, đây là đỉnh cao về tài nghệ chạm bạc của bà và cũng là một trong những nghệ nhân tài hoa của làng nghề Đồng Xâm.

Từ ngày nhân dân ta tiến hành công cuộc Đổi Mới, với cơ chế thị trường đầy sôi động, đang đặt ra cho làng nghề, vùng nghề phải thật sự năng động, phải phong phú thông tin, nhạy cảm với những thị hiếu mới mẻ, có trình độ tiếp thu khoa học công nghệ, khoa học thương mại để không lạc bước trước thị trường rộng lớn, biển ảo khôn lường này. Một số nhà doanh nghiệp mới đã hình thành, đang tạo ra cách làm ăn mới để không ngừng phát triển nghề nghiệp, thích nghi với nền kinh tế mới nhiều thành phần. Vì thế, chính công cuộc Đổi Mới đã tạo cơ sở cho sự phục hồi và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc, trong đó có quê hương Đồng Xâm.